

Phụ lục 2: Danh mục mã thành phần chế phẩm thuốc đông y, thuốc từ dược liệu theo Thông tư số 05/2015/TT-BYT chuyển đổi, ánh xạ tạm thời sang mã thuốc hóa dược
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm của Bộ Y tế)

STT	Mã thành phần theo Thông tư 05 (Ban hành kèm theo Công văn 908/BYT-BH)	Thành phần thuốc	Đường dùng	Mã ánh xạ mới tạm thời (Thuốc hoá dược)
1	05C.46	Pygeum africanum	Uống	HD.46
2	05C.47.2	Râu mèo, Actiso, Sorbitol	Uống	HD.47.2
3	05C.51	Than hoạt, Cao cam thảo, Calci carbonat, Tricalci phosphate	Uống	HD.51
4	05C.90.2	Cóc khô, Ý dĩ, Hạt sen, Hoài sơn, Sơn tra, Thục địa, Mạch nha, Mật ong, Tricalci phosphat	Uống	HD.90.2
5	05C.100.1	Mộc hương, Berberin	Uống	HD.100.1
6	05C.100.3	Mộc hương, Berberin, Ngô thù du.	Uống	HD.100.3
7	05C.100.5	Mộc hương, Berberin, Xích thực	Uống	HD.100.5
8	05C.100.7	Mộc hương, Berberin, Bạch thực	Uống	HD.100.7
9	05C.100.9	Mộc hương, Berberin, Bạch thực, Ngô thù du.	Uống	HD.100.9
10	05C.100.11	Mộc hương, Berberin, Xích thực, Ngô thù du.	Uống	HD.100.11
11	05C.104	Nha đam tử, Berberin, Tỏi, Cát căn, Mộc hương	Uống	HD.104
12	05C.125.1	Đan sâm, Tam thất, Borneol	Uống	HD.125.1
13	05C.125.2	Đan sâm, Tam thất, Băng phiến	Uống	HD.125.2
14	05C.125.3	Đan sâm, Tam thất, Camphor	Uống	HD.125.3
15	05C.134.2	Lá sen, Lá vông, Rotundin	Uống	HD.134.2
16	05C.134.4	Tâm sen, Lá vông, Rotundin	Uống	HD.134.4
17	05C.139.17	Sinh địa, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa	Uống	HD.139.17
18	05C.139.18	Sinh địa, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa	Uống	HD.139.18
19	05C.139.21	Địa hoàng, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa	Uống	HD.139.21

20	05C.139.22	Địa hoàng, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa	Uống	HD.139.22
21	05C.139.23	Địa hoàng, Đẳng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa	Uống	HD.139.23
22	05C.139.24	Địa hoàng, Đẳng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa	Uống	HD.139.24
23	05C.139.27	Sinh địa, Đẳng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa	Uống	HD.139.27
24	05C.139.28	Sinh địa, Đẳng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa	Uống	HD.139.28
25	05C.139.33	Sinh địa, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa	Uống	HD.139.33
26	05C.139.34	Sinh địa, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa,	Uống	HD.139.34
27	05C.139.35	Sinh địa, Đẳng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa,	Uống	HD.139.35
28	05C.139.36	Sinh địa, Đẳng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa	Uống	HD.139.36
29	05C.139.37	Địa hoàng, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa	Uống	HD.139.37

30	05C.139.38	Địa hoàng, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa	Uống	HD.139.38
31	05C.139.39	Địa hoàng, Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa	Uống	HD.139.39
32	05C.139.40	Địa hoàng, Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa	Uống	HD.139.40
33	05C.139.49	Sinh địa, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.49
34	05C.139.50	Sinh địa, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.50
35	05C.139.51	Sinh địa, Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.51
36	05C.139.52	Sinh địa, Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.52
37	05C.139.53	Địa hoàng, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.53
38	05C.139.54	Địa hoàng, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.54
39	05C.139.55	Địa hoàng, Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.55

40	05C.139.56	Địa hoàng, Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.56
41	05C.139.57	Sinh địa, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.57
42	05C.139.58	Sinh địa, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.58
43	05C.139.59	Sinh địa, Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.59
44	05C.139.60	Sinh địa, Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.60
45	05C.139.61	Địa hoàng, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.61
46	05C.139.62	Địa hoàng, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.62
47	05C.139.63	Địa hoàng, Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.63
48	05C.139.64	Địa hoàng, Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân, Chu sa , Cam thảo	Uống	HD.139.64
49	05C.148.2	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, mentol	Uống	HD.148.2

50	05C.148.4	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn,mentol	Uống	HD.148.4
51	05C.148.5	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông,Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà	Uống	HD.148.5
52	05C.148.6	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông,Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn,mentol	Uống	HD.148.6
53	05C.148.8	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông,Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn,mentol	Uống	HD.148.8
54	05C.148.10	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn,mentol	Uống	HD.148.10
55	05C.148.12	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn,mentol	Uống	HD.148.12
56	05C.148.14	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn,Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn,mentol	Uống	HD.148.14
57	05C.148.16	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn,Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn,mentol	Uống	HD.148.16
58	05C.148.18	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn,mentol	Uống	HD.148.18
59	05C.148.20	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn,mentol	Uống	HD.148.20
60	05C.148.22	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông,Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn,mentol	Uống	HD.148.22
61	05C.148.24	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông,Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn,mentol	Uống	HD.148.24

62	05C.148.26	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phản, mentol	Uống	HD.148.26
63	05C.148.28	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phản, mentol	Uống	HD.148.28
64	05C.148.30	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phản, mentol	Uống	HD.148.30
65	05C.148.32	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phản, mentol	Uống	HD.148.32
66	05C.148.33	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà điệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phản, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.33
67	05C.148.34	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà điệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phản, mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.34
68	05C.148.35	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà điệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phản, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.35
69	05C.148.36	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà điệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phản, mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.36
70	05C.148.37	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà điệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phản, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.37
71	05C.148.38	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà điệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phản, mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.38
72	05C.148.39	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà điệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phản, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.39

73	05C.148.40	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.40
74	05C.148.41	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.41
75	05C.148.42	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.42
76	05C.148.43	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.43
77	05C.148.44	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.44
78	05C.148.45	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.45
79	05C.148.46	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.46
80	05C.148.47	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.47
81	05C.148.48	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.48
82	05C.148.49	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.49

83	05C.148.50	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn,mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.50
84	05C.148.51	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ,Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.51
85	05C.148.52	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ,Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn,mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.52
86	05C.148.53	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông,Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.53
87	05C.148.54	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông,Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn,mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.54
88	05C.148.55	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông,Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ,Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.55
89	05C.148.56	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông,Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ,Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn,mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.56
90	05C.148.57	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.57
91	05C.148.58	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn,mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.58
92	05C.148.59	Bạch linh, Cát cánh,Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ,Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.59

93	05C.148.60	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.60
94	05C.148.61	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.61
95	05C.148.62	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.62
96	05C.148.63	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	Uống	HD.148.63
97	05C.148.64	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, mentol, Bàng sa	Uống	HD.148.64
98	05C.150	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Uống	HD.150
99	05C.154	Ma hoàng, Hạnh nhân, Thạch cao, Mạch môn, Trần bì, Bối mẫu, Cát cánh, Cam thảo	Uống	HD.154
100	05C.155.1	Ma hoàng, Hạnh nhân, Thạch cao, Cam thảo	Uống	HD.155.1
101	05C.155.3	Ma hoàng, Khổ hạnh nhân, Thạch cao, Cam thảo	Uống	HD.155.3
102	05C.157	Trần bì, Cát cánh, Tiền hồ, Tô diệp, Tử uyển, Thiên môn, Tang bạch bì, Tang diệp, Cam thảo, Ô mai, Khương hoàng, Menthol	Uống	HD.157
103	05C.158.3	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol	Uống	HD.158.3
104	05C.158.4	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol	Uống	HD.158.4
105	05C.158.5	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Menthol	Uống	HD.158.5
106	05C.158.6	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Menthol	Uống	HD.158.6

107	05C.159	Xuyên bối mẫu, Tỳ bà diệp, Sa sâm, Phục linh, Trần bì, Cát cánh, Bán hạ, Ngũ vị tử, Qua lâu nhân, Viễn chí, Khổ hạnh nhân, Gừng, Ô mai, Cam thảo, Mật ong, Tinh dầu bạc hà, Acid Benzoic	Uống	HD.159
108	05C.186.2	Ngưu tất, Nghệ, Rutin	Uống	HD.186.2
109	05C.186.4	Ngưu tất, Nghệ, Rutin, Bạch truật	Uống	HD.186.4
110	05C.187	Nhân sâm, Thủy điệt, Toàn yết, Xích thước, Thuyền thoái, Thỏ miết trùng, Ngô công, Đàn hương, Giáng hương, Nhũ hương, Toan táo nhân, Băng phiến	Uống	HD.187
111	05C.206	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor	Dùng ngoài	HD.206
112	05C.215.1	Tinh dầu trầm, Tinh dầu gừng, Tinh dầu tần, Menthol	Uống	HD.215.1
113	05C.215.2	Cineol, Tinh dầu gừng, Tinh dầu tần, Menthol	Uống	HD.215.2
114	05C.215.3	Tinh dầu trầm, Tinh dầu gừng, Tinh dầu tần, Menthol, Eucalyptol	Uống	HD.215.3
115	05C.215.4	Cineol, Tinh dầu gừng, Tinh dầu tần, Menthol, Eucalyptol	Uống	HD.215.4
116	05C.216.1	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu trầm, Tinh dầu hương nhu, Tinh dầu quế	Dùng ngoài	HD.216.1
117	05C.216.3	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu trầm, Tinh dầu hương nhu, Tinh dầu quế, Methol	Dùng ngoài	HD.216.3
118	05C.216.4	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu trầm, Tinh dầu hương nhu, Tinh dầu quế, Methol	Dùng ngoài	HD.216.4
119	05C.222.2	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế	Dùng ngoài	HD.222.2
120	05C.222.4	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Gừng	Dùng ngoài	HD.222.4
121	05C.222.6	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Gừng, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.6
122	05C.222.7	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Menthol	Dùng ngoài	HD.222.7
123	05C.222.8	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Menthol	Dùng ngoài	HD.222.8
124	05C.222.9	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Menthol, Gừng	Dùng ngoài	HD.222.9
125	05C.222.10	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Menthol, Gừng	Dùng ngoài	HD.222.10
126	05C.222.11	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Menthol, Gừng, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.11

127	05C.222.12	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Menthol, Gừng, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.12
128	05C.222.13	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Menthol, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.13
129	05C.222.14	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Menthol, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.14
130	05C.222.15	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.222.15
131	05C.222.16	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.222.16
132	05C.222.17	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat, Gừng	Dùng ngoài	HD.222.17
133	05C.222.18	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat, Gừng	Dùng ngoài	HD.222.18
134	05C.222.19	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat, Gừng, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.19
135	05C.222.20	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat, Gừng, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.20
136	05C.222.21	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat, Menthol	Dùng ngoài	HD.222.21
137	05C.222.22	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat, Menthol	Dùng ngoài	HD.222.22
138	05C.222.23	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat, Menthol, Gừng	Dùng ngoài	HD.222.23
139	05C.222.24	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat, Menthol, Gừng	Dùng ngoài	HD.222.24
140	05C.222.25	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat, Menthol, Gừng, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.25
141	05C.222.26	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat, Menthol, Gừng, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.26
142	05C.222.27	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat, Menthol, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.27
143	05C.222.28	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salicylat, Menthol, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.28

144	05C.222.29	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salycilat, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.29
145	05C.222.30	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salycilat, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.30
146	05C.222.31	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salycilat, Eucalyptol	Dùng ngoài	HD.222.31
147	05C.222.32	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salycilat, Eucalyptol	Dùng ngoài	HD.222.32
148	05C.222.33	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salycilat, Eucalyptol, Gừng	Dùng ngoài	HD.222.33
149	05C.222.34	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salycilat, Eucalyptol, Gừng	Dùng ngoài	HD.222.34
150	05C.222.35	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salycilat, Eucalyptol, Gừng, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.35
151	05C.222.36	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salycilat, Eucalyptol, Gừng, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.36
152	05C.222.37	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salycilat, Eucalyptol, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.37
153	05C.222.38	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Methyl salycilat, Eucalyptol, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.38
154	05C.222.40	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.40
155	05C.222.41	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Eucalyptol	Dùng ngoài	HD.222.41
156	05C.222.42	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Eucalyptol	Dùng ngoài	HD.222.42
157	05C.222.43	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Eucalyptol, Gừng	Dùng ngoài	HD.222.43
158	05C.222.44	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Eucalyptol, Gừng	Dùng ngoài	HD.222.44
159	05C.222.45	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Eucalyptol, Gừng, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.45
160	05C.222.46	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Eucalyptol, Gừng, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.46
161	05C.222.47	Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Eucalyptol, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.47

162	05C.222.48	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, Eucalyptol, Tinh dầu hương nhu trắng	Dùng ngoài	HD.222.48
163	05C.223	Mã tiền, Huyết giác, Ô đầu, Đại hồi, Long não, Một dược, Địa liên, Nhũ hương, Đinh hương, Quế, Gừng, Methyl salicylat, Gelatin, Ethanol	Dùng ngoài	HD.223
164	05C.224.1	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.1
165	05C.224.2	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.2
166	05C.224.3	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.3
167	05C.224.4	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.4
168	05C.224.5	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Methyl salicylat, Riêng	Dùng ngoài	HD.224.5
169	05C.224.6	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphora , Riêng	Dùng ngoài	HD.224.6
170	05C.224.7	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Methyl salicylat, Riêng	Dùng ngoài	HD.224.7
171	05C.224.8	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphora , Riêng	Dùng ngoài	HD.224.8
172	05C.224.9	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.9
173	05C.224.10	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphora , Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.10
174	05C.224.11	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.11
175	05C.224.12	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphora , Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.12
176	05C.224.13	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân, Riêng	Dùng ngoài	HD.224.13
177	05C.224.14	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphora , Tế tân, Riêng	Dùng ngoài	HD.224.14
178	05C.224.15	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân, Riêng	Dùng ngoài	HD.224.15
179	05C.224.16	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphora , Tế tân, Riêng	Dùng ngoài	HD.224.16
180	05C.224.17	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.17

181	05C.224.18	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.18
182	05C.224.19	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.19
183	05C.224.20	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.20
184	05C.224.21	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.21
185	05C.224.22	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Riềng	Dùng ngoài	HD.224.22
186	05C.224.23	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.23
187	05C.224.24	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Riềng	Dùng ngoài	HD.224.24
188	05C.224.25	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.25
189	05C.224.26	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.26
190	05C.224.27	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.27
191	05C.224.28	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.28
192	05C.224.29	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.29
193	05C.224.30	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.30
194	05C.224.31	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.31

195	05C.224.32	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.32
196	05C.224.33	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.33
197	05C.224.34	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.34
198	05C.224.35	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.35
199	05C.224.36	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.36
200	05C.224.37	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.37
201	05C.224.38	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Camphora , Riềng	Dùng ngoài	HD.224.38
202	05C.224.39	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.39
203	05C.224.40	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Camphora , Riềng	Dùng ngoài	HD.224.40
204	05C.224.41	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.41
205	05C.224.42	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Camphora , Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.42
206	05C.224.43	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.43
207	05C.224.44	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Camphora , Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.44
208	05C.224.45	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.45
209	05C.224.46	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Camphora , Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.46
210	05C.224.47	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.47

211	05C.224.48	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Camphora, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.48
212	05C.224.49	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.49
213	05C.224.50	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.50
214	05C.224.51	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.51
215	05C.224.52	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.52
216	05C.224.53	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.53
217	05C.224.54	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.54
218	05C.224.55	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.55
219	05C.224.56	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.56
220	05C.224.57	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.57
221	05C.224.58	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.58
222	05C.224.59	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.59
223	05C.224.60	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.60

224	05C.224.61	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.61
225	05C.224.62	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.62
226	05C.224.63	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.63
227	05C.224.64	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.64
228	05C.224.65	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.65
229	05C.224.66	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.66
230	05C.224.67	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.67
231	05C.224.68	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.68
232	05C.224.69	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.69
233	05C.224.70	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Camphora , Riềng	Dùng ngoài	HD.224.70
234	05C.224.71	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.71
235	05C.224.72	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Camphora, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.72
236	05C.224.73	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.73
237	05C.224.74	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Camphora, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.74
238	05C.224.75	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.75
239	05C.224.76	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Camphora, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.76

240	05C.224.77	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.77
241	05C.224.78	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Camphora, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.78
242	05C.224.79	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.79
243	05C.224.80	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Camphora , Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.80
244	05C.224.81	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.81
245	05C.224.82	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.82
246	05C.224.83	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.83
247	05C.224.84	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.84
248	05C.224.85	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.85
249	05C.224.86	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.86
250	05C.224.87	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.87
251	05C.224.88	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Riềng	Dùng ngoài	HD.224.88
252	05C.224.89	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.89

253	05C.224.90	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.90
254	05C.224.91	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.91
255	05C.224.92	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.92
256	05C.224.93	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.93
257	05C.224.94	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.94
258	05C.224.95	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.95
259	05C.224.96	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.96
260	05C.224.97	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.97
261	05C.224.98	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.98
262	05C.224.99	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.99
263	05C.224.100	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.100
264	05C.224.101	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.101
265	05C.224.102	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Camphora , Riềng	Dùng ngoài	HD.224.102

266	05C.224.103	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.103
267	05C.224.104	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Camphora , Riềng	Dùng ngoài	HD.224.104
268	05C.224.105	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.105
269	05C.224.106	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Camphora , Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.106
270	05C.224.107	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.107
271	05C.224.108	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Camphora, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.108
272	05C.224.109	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.109
273	05C.224.110	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Camphora , Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.110
274	05C.224.111	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.111
275	05C.224.112	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Camphora , Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.112
276	05C.224.113	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.113
277	05C.224.114	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.114
278	05C.224.115	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.224.115

279	05C.224.116	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora	Dùng ngoài	HD.224.116
280	05C.224.117	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.117
281	05C.224.118	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Riềng	Dùng ngoài	HD.224.118
282	05C.224.119	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.119
283	05C.224.120	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.120
284	05C.224.121	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.121
285	05C.224.122	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.122
286	05C.224.123	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.123
287	05C.224.124	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Tế tân	Dùng ngoài	HD.224.124
288	05C.224.125	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.125
289	05C.224.126	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.126
290	05C.224.127	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.127
291	05C.224.128	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Camphora , Tế tân, Riềng	Dùng ngoài	HD.224.128

292	05C.226.1	Ô đầu, Mã tiền, Thiên niên kiện, Quế nhục, Đại hồi, Huyết giác, Tinh dầu Long não, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.226.1
293	05C.226.2	Ô đầu, Mã tiền, Thiên niên kiện, Quế chi, Đại hồi, Huyết giác, Tinh dầu Long não, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.226.2
294	05C.226.3	Ô đầu, Địa liên, Thiên niên kiện, Quế nhục, Đại hồi, Huyết giác, Tinh dầu Long não, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.226.3
295	05C.226.4	Ô đầu, Địa liên, Thiên niên kiện, Quế chi, Đại hồi, Huyết giác, Tinh dầu Long não, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.226.4
296	05C.227	Tinh dầu Thiên niên kiện, Tinh dầu thông, Menthol, Methyl salicylat	Dùng ngoài	HD.227